TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH** Bản án số: 70 /2024/DS-ST Ngày: 26-4-2024 *V/v:"Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất".*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Phạm Văn Lịch.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa*:** Ông Vũ Minh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc "*Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Ông Lưu Văn Đ, sinh năm 1961; địa chỉ: Xóm 5, xã Hải Ninh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. "có mặt".

Bị đơn: Ông Lưu Ngọc T, sinh năm 1940; địa chỉ: Xóm 5, xã Hải Ninh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. "có mặt".

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ, bà M: Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1986; địa chỉ: Xóm Trần Hiềng, xã Hải Phú, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. "có mặt".

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn – ông Đ: Bà Nguyễn Thị Sợi - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Vũ Trình. "có mặt".

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Cao Thị M, sinh năm 1960; địa chỉ: Xóm 5, xã Hải Ninh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. "có mặt"

2. Bà Trần Thị T, sinh năm 1946; địa chỉ: Xóm 5, xã Hải Ninh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. "có mặt"

Người làm chứng:

1. Bà Lưu Thị Huệ, sinh năm 1948; địa chỉ: Xóm 4, xã Hải Ninh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. "có mặt"

2. Bà Lưu Thị L (tên gọi khác Nhài), sinh năm 1952; địa chỉ: Xóm 1, xã Hải Ninh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. "có mặt"

3. Bà Lưu Thị L, sinh năm 1954; địa chỉ: Xóm 1, xã Hải Ninh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. "có mặt"

4. Bà Lưu Thị H2, sinh năm 1965; địa chỉ: Xóm Mỹ Hòa, xã Hải Giang, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. "có mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Lưu Văn Đ có quan điểm trình bày:*

Vợ chồng ông Lưu Văn Đ, bà Cao Thị M có thửa đất số 205, tờ bản đồ số 13 diện tích 830m^2 tại xóm 5, xã Hải Ninh được UBND huyện Hải Hậu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng lần đầu ngày 02/12/1999 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 521968 và cấp đổi lần 2 ngày 03/11/2022 số phát hành giấy chứng nhận DH 290809 do sở Tài nguyên môi trường tỉnh Nam Định cấp đứng tên ông Lưu Văn Đ và bà Cao Thị M được chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định cập nhất, chỉnh lý, thay đổi ngày 19/11/2022 và ngày 06/01/2023.

Nguồn gốc thửa đất của vợ chồng ông Đ là được bố mẹ đẻ ông Đ cho vợ chồng. Vợ chồng ông Đ, bà M đã sử dụng ổn định từ năm 1992 đến nay, đến năm 1999 thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.Thửa đất của ông Đ, bà M có cạnh phía Tây liền kề với thửa đất số 206, tờ bản đồ số 13, đứng tên vợ chồng ông Lưu Ngọc T và bà Trần Thị T (là anh chị ruột của ông Đ thửa đất liền kề này cũng được bố mẹ đẻ cho).

Năm 2018 UBND huyện Hải Hậu có chủ trương thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu Tái định cư tập trung tại xã Hải Ninh để phục vụ thu hồi đất xây dựng nhà máy nhiệt điện BOT Nam Định 1. Gia đình ông thuộc diện bị thu hồi một phần đất để mở rộng làm đường . Ngày 29/01/2018 Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu, đã ra quyết định thu hồi đất số 179/QĐ -UB thu hồi 57,6m^2 đất của vợ

chồng ông Đ, bà M vì vậy diện tích đất còn lại theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 772.4 m^2.

Thời gian gần đây do các con đã đến tuổi trưởng thành và xây dựng gia đình, vợ chồng ông tuổi đã cao có nhu cầu tách đất cho con , tuy nhiên khi làm thủ tục tách thửa thì vợ chồng anh trai của ông là ông T, bà T đã không đồng ý ký giáp ranh giới cho gia đình ông để làm thủ tục tách thửa với lý do nếu muốn ông T ký giáp ranh giới để làm thủ tục cho con thì gia đình ông phải để lại 200m^2 đất để làm từ đường thì ông T mới ký cho. Vợ chồng ông Đ xét thấy ông Đ và ông T đều được bố mẹ cho đất đai để sử dụng từ thời điểm bố mẹ còn sống và cả hai bên gia đình đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sử dụng lâu dài ổn định từ trước năm 1992, gia đình ông Đ đã bị nhà nước cân đối đất ruộng khi phân chia nên không nhất trí yêu cầu của ông T.

Do vậy, nay ông Đ làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu xác định ranh giới quyền sử dụng đất thửa đất số 205, tờ bản đồ số 13 tại xã Hải Ninh đứng tên ông Lưu Văn Đ và bà Cao Thị M và thửa đất số 206, tờ bản đồ số 13 tại xã Hải Ninh đứng tên ông Lưu Ngọc T và bà Trần Thị T. Về vấn đề khác, ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Bị đơn- ông Lưu Ngọc T, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T tại bản tự khai, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa trình bày:*

Vợ chồng ông Lưu Ngọc T, bà Trần Thị T có thửa đất số 206, tờ bản đồ số 13 diện tích 547,9m^2 tại xã Hải Ninh có cạnh phía Đông tiếp giáp thửa đất số thửa đất số 205, tờ bản đồ số 13, đứng tên ông Lưu Văn Đ, bà Cao Thị M. Nguồn gốc thửa đất số 205, tờ bản đồ số 13 là của cụ Lưu Văn Khiêm, cụ Nguyễn Thị Mão cho ông Đ, bà M . Vợ chồng ông Đ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lúc nào thì anh T không được biết. Đến năm 2012 khi gia đình biết đất của ông Đ đang ở đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Đ, bà M thì anh em trong gia đình và cụ Mão đã tự thỏa thuận và lập biên bản về việc ông Đ để lại 200m^2 trong phần đất của ông Đ để làm gia từ (nhưng không chỉ cụ thể phần đất nào); ông T, ông Đ, bà L, bà Huệ, bà L (tức Nhài), bà H2 đã ký biên bản; cụ Mão không ký và không điểm chỉ vào biên bản. Ngày 08/4/2012, bà Cao Thị M là vợ ông Đ còn nói khi nào làm và có tiền để làm gia từ thì ông bà trả lại đất nên không ký biên bản nhưng đến nay không chịu thực hiện.

Về ranh giới giữa hai thửa đất từ xưa đến nay luôn xác định là bức tường và bếp giữa hai thổ như ranh giới đang sử dụng hiện nay và ranh giới theo kết quả đo đạc hiện trạng là đúng ông T, bà T không có tranh chấp gì về ranh giới. Ông T, bà T không nhất trí ký ranh giới cho ông Đ là vì vợ chồng ông Đ, bà M

không để lại một phần đất làm gia từ như đã hứa. Nay ông T đề nghị Tòa án phân tích để ông Đ để lại phần đất giáp lối đi vào gia đình nhà ông làm gia từ, có cạnh phía Đông, cạnh phía Tây dài 5m; Cạnh Phía Bắc, cạnh phía Nam dài 16.0m.

Ông T không đồng ý để anh H tham gia giải quyết vụ án vì anh H không phải người họ Lưu. Ông Đ, bà M vẫn tự nhận thức được, vẫn biết chữ nên không được ủy quyền cho ai khác.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan* là bà Cao Thị M nhất trí với phần trình bày của ông Đ.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị T, người làm chứng* là bà Lưu Thị Huệ, bà Lưu Thị L (tức Nhài) sinh năm 1952, Lưu Thị L sinh năm 1954, Lưu Thị H2 nhất trí với phần trình bày của ông T.

* *Đại diện ủy quyền của ông Đ, bà M là anh Nguyễn Đức H nhất trí với phần trình bày của ông Đ, không bổ sung thêm gì.*

* Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn – ông Đ là Bà Nguyễn Thị Sợi phát biểu: Không bổ sung gì đối với phần trình bày của nguyên đơn. Và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các quy định pháp luật, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Văn Đ về Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất. Còn các vấn đề khác không có ai có đơn khởi kiện theo quy định nên đề nghị HĐXX không giải quyết trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

Áp dụng các Điều166,170 Luật Đất đai; Điều 175 Bộ luật dân sự, Điều 166,170 Luật Đất đai năm 2013 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Văn Đ.

2. Xác định ranh giới thửa đất số 205, tờ bản đồ số 13 tại xã Hải Ninh đứng tên ông Lưu Văn Đ và bà Cao Thị M và thửa đất số 206, tờ bản đồ số 13 tại xã Hải Ninh đứng tên ông Lưu Ngọc T và bà Trần Thị T là đường thẳng nối các điểm (1,7,6).

Các vấn đề khác, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Ông Lưu Văn Đ có đơn khởi kiện ông Lưu Ngọc T về quan hệ "Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất"; Bị đơn và vị trí đất đang tranh chấp đều có địa chỉ tại xã Hải Ninh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu theo định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa, các đương sự, người làm chứng đều có mặt.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông Lưu Văn Đ yêu cầu Hội đồng xét xử xác định ranh giới hai thửa đất có thông tin tại hồ sơ địa chính hiện nay là thửa đất số 205, tờ bản đồ số 13 tại xã Hải Ninh đứng tên ông Lưu Văn Đ và bà Cao Thị M và thửa đất số 206, tờ bản đồ số 13 tại xã Hải Ninh đứng tên ông Lưu Ngọc T và bà Trần Thị T.

[3.1] Về hồ sơ địa chính:

Quá trình biến động quyền sử dụng đất hai thửa đất trên được thể hiện tại hồ sơ địa chính như sau:

+ Đối với thửa đất 205, tờ bản đồ số 13, xã Hải Ninh:

Theo bản đồ 299 năm 1985, thửa đất thuộc tờ bản đồ số 2, thửa đất số 26 diện tích 1.010m^2, tên Khiêm. Chưa được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo bản đồ đo đạc năm 1997 thửa đất số 205, tờ bản đồ số 13, diện tích 830m^2(trong đó: Đất ở 240m^2, đất vườn 350m^2, đất ao 240m^2). Thửa đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu ngày 02/12/1999. Năm 2018 nhà nước ra Quyết định thu hồi đất số 179/QĐ-UBND ngày 29/01/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu, hộ ông Đ, bà M bị thu hồi 57.6m^2, diện tích còn lại theo hồ sơ địa chính là 772.4 m^2. Ngày 03/11/2022 cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới nhưng vẫn giữ nguyên diện tích 830m^2 (không thể hiện diện tích đã bị thu hồi). Ngày 10/11/2022, chuyển mục đích 240m^2 đất NTS sang đất CLN. Ngày 06/01/2023 chuyển mục đích 340m^2 đất CLN sang đất ONT.

+ Đối với thửa đất số 206, tờ bản đồ số 13 tại xã Hải Ninh:

Theo bản đồ 299 năm 1985 thuộc thửa đất số 25, tờ bản đồ số 2, tên : T, diện tích 545m^2. Chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo bản đồ đo đạc năm 1997 thửa đất số 206, tờ bản đồ số 13, diện tích 1160m^2 (trong đó: Đất ở 290m^2, đất vườn 590m^2, đất ao 280m^2). Thửa đất được

cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu ngày 24/10/2000. Sau đó thửa đất này được tách làm 02 thửa, đối với hộ ông T, bà T được quyền sử dụng thửa đất số 206, tờ bản đồ số 13, diện tích 570m^2 (trong đó: Đất ở 190m^2, đất vườn 220m^2, đất ao 160m^2). Sau Quyết định thu hồi đất số 178/QĐ-UBND ngày 29/01/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu, hộ ông T, bà T bị thu hồi 22.1m^2, diện tích còn lại theo hồ sơ địa chính là 547.9m^2.

[3.2] Về kết quả thẩm định tại chỗ:

Theo kết quả thẩm định tại chỗ thì thấy:

Thửa đất số 205, tờ bản đồ số 13 tại xã Hải Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp thì ông Đ, bà M được quyền sử dụng 772.4 m^2; Có cạnh phía Bắc giáp đường, phía Nam giáp ngõ, phía Đông giáp đường, phía Tây giáp hộ ông T. Diện tích đo đạc hiện trạng sử dụng là 813.1m^2, thừa so với hồ sơ địa chính được cấp.

Thửa đất số 206, tờ bản đồ số 13 tại xã Hải Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp thì ông T, bà T được quyền sử dụng 547.9 m^2; Có cạnh phía Bắc giáp đường, phía Nam giáp đất anh Tưởng, phía Đông giáp ông Đ, bà M, phía Tây giáp anh Tưởng. Diện tích đo đạc hiện trạng sử dụng là 549.4m^2, thừa so với hồ sơ địa chính được cấp.

[3.3] Ông Đ khởi kiện đề nghị xác định ranh giới quyền sử dụng đất thửa đất số 205, tờ bản đồ số 13 tại xã Hải Ninh đứng tên ông Lưu Văn Đ và bà Cao Thị M với thửa đất số 206, tờ bản đồ số 13 tại xã Hải Ninh đứng tên ông Lưu Ngọc T và bà Trần Thị T. Xét thấy lời khai của hai hộ có đất đều thừa nhận ông T, bà T không hợp tác ký giáp ranh để hộ ông Đ, bà M thực hiện thủ tục tách thửa đất của ông Đ cho các con ông Đ. Do đó, xác định hai bên có tranh chấp ranh giới là sự việc có thật.

Vợ chồng ông T , bà T thừa nhận không ký giáp ranh đất giữa hai thửa vì ông Đ, bà M không bỏ ra một phần đất làm từ đường theo yêu cầu của ông T , xét thấy đây là lý do không có cơ sở chấp nhận vì vợ chồng ông Đ, bà M đã được cơ quan thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng lần đầu ngày 02/12/1999 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 521968 và cấp đổi lần 2 ngày 03/11/2022 số phát hành giấy chứng nhận DH 290809 do sở Tài nguyên môi trường tỉnh Nam Định cấp đứng tên ông Lưu Văn Đ và bà Cao Thị M được chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định cập nhật, chỉnh lý, thay đổi ngày 19/11/2022 và ngày 06/01/2023 theo đúng trình tự không ai có tranh chấp gì. Việc ông Đ nhất trí tự nguyện cắt đất cho hay không là quyền của ông Đ, bà M theo quy định pháp luật.

[3.4] Về hiện trạng sử dụng diện tích đất hiện nay của hai thửa 205 và thửa đất 206 tờ bản đồ số 13 xã Hải Ninh qua đo đạc khảo sát đều thừa so với diện tích được nhà nước cấp giấy chứng nhận, tuy nhiên hiện nay mốc giới giáp danh các chiều cạnh của hai thửa không có tranh chấp, cơ quan quản lý nhà nước về đất đai không có ý kiến gì đất các thửa không tranh chấp với ai, cơ quan nhà nước quản lý đất đai không có ý kiến gì về việc các hộ đang sử dụng thừa đất so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với phần đất sử dụng thừa của hai hộ. Nên về hiện trạng sử dụng đất, mốc giới sử dụng đất của hai hộ nên giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất đối với ranh giới đất hai hộ đang sử dụng hiện nay trừ trường hợp có yêu cầu khác phát sinh.

Do vậy có cơ sở xác định ranh giới thửa đất số 205, tờ bản đồ số 13 tại xã Hải Ninh đứng tên ông Lưu Văn Đ và bà Cao Thị M với thửa đất số 206, tờ bản đồ số 13 tại xã Hải Ninh đứng tên ông Lưu Ngọc T và bà Trần Thị T là đường thẳng nối các điểm (1,7,6). Ranh giới chiều cạnh khác không có tranh chấp mốc giới và yêu cầu độc lập khác nên giữ nguyên hiện trạng trừ khi phát sinh yêu cầu khác.

[4] Về các vấn đề được đương sự trình bày khác:

[4.1] Quá trình giải quyết vụ án, ông Lưu Ngọc T, bà Lưu Thị Huệ, Lưu Thị L (tức Nhài) sinh năm 1952 có ý kiến trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 205, tờ bản đồ số 13 là của cụ Lưu Văn Khiêm, cụ Nguyễn Thị Mão tặng cho ông Đ, bà M.Vợ chồng ông Đ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lúc nào thì anh T không được biết. Đến năm 2012 khi gia đình họp bàn thì mới biết đất đã sang tên cho ông Đ, bà M. Vào chiều ngày 23/3/2012 âm lịch, cụ Nguyễn Thị Mão và ông Lưu Ngọc T, ông Lưu Văn Đ, bà Lưu Thị Huệ, bà Lưu Thị L (tức Nhài) sinh năm 1952, Lưu Thị L sinh năm 1954, Lưu Thị H2 đã tự thỏa thuận và lập biên bản về việc để lại 200m^2 trong phần đất của ông Đ để làm gia từ (nhưng không chỉ cụ thể phần đất nào). Nay ông cũng đề nghị Hội đồng xét xử phân tích để vợ chồng ông Đ, bà M để lại phần đất giáp lối đi vào gia đình ông làm gia từ, có cạnh phía Đông, cạnh phía Tây dài 5m; Cạnh Phía Bắc, cạnh phía Nam dài 16.0m. Người làm chứng là bà Lưu Thị Huệ, Lưu Thị L (tức Nhài) sinh năm 1952, Lưu Thị L sinh năm 1954, Lưu Thị H2 có ý kiến giống ý kiến của ông T trình bày.

Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu này của ông T và những người làm chứng khác không được ông Đ, bà M đồng ý do đó không có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ:

Thứ nhất, thửa đất số 205, tờ bản đồ số 13 của ông Đ, bà M đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q521963 ngày 02/12/1999 đứng tên hộ ông Lưu Văn Đ. Từ khi cấp Giấy chứng nhận cho đến nay không ai có ý kiến về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Đ. Các bên đều thống nhất thửa đất này là do cụ Khiêm, cụ Mão tặng cho vợ chồng ông Đ, khi cấp Giấy chứng nhận cho hộ ông Đ là hoàn toàn tự nguyện và không kèm theo điều kiện gì.

Thứ hai, ông T, bà Huệ, bà L, bà L (Nhài), bà H2 trình bày trước khi chết cụ Mão có nói để lại một phần làm nơi thờ cúng nhưng không được ông Đ đồng ý. Ông T, bà Huệ, bà L, bà L (Nhài), bà H2 cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh về việc cụ Mão để lại di sản gì, trường hợp nếu cụ Mão có nói miệng "*phần đất này chỉ để dùng làm nơi thờ cúng*" thì cũng không được chấp nhận vì thửa đất số 205, tờ bản đồ số 13 của ông Đ, bà M đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q521963 ngày 02/12/1999 đứng tên hộ ông Lưu Văn Đ không có ai tranh chấp nên đây không phải là di sản thừa kế của cụ Mão.

Thứ ba, biên bản họp gia đình không được công chứng, chứng thực, lại được lập sau khi gia đình ông Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, biên bản này chưa có hiệu lực pháp luật và chưa được các bên thực hiện trên thực tế.Trường hợp biên bản được lập đúng ý kiến của ông Đ thì ông Đ cũng có quyền được thay đổi quan điểm. Đến nay ông Đ, bà M không nhất trí để lại phần đất làm nơi thờ cúng nữa do đó ý kiến của ông T không có cơ sở chấp nhận.

Thứ tư, Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích đầy đủ quyền, nghĩa vụ cho những người tham gia tố tụng về việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nếu có yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết thì nộp đơn, tài liệu liên quan và nộp tạm ứng án phí theo đúng trình tự, thủ tục của pháp luật về yêu cầu khởi kiện của mình nhưng đến nay không có ai có đơn khởi kiện và nộp tạm ứng án phí (hoặc giấy tờ xin miễn nếu có) yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự về việc Tòa án chỉ giải quyết các vấn đề trong phạm vi yêu cầu của đương sự nên đây là vấn đề Tòa án không xem xét khi giải quyết vụ án.

Thứ năm; Tại phiên tòa ông Đ, bà M không nhất trí tặng cho đất ông T và một số anh em trong gia đình một phần đất để làm nơi thờ cúng như nguyện vọng của ông T.

Từ những lý lẽ nêu trên, khẳng định biên bản họp gia đình không có giá trị pháp lý về mặt hình thức và nội dung nên ý kiến trình bày của ông T, bà Lưu Thị Huệ, Lưu Thị L (tức Nhài)những người trên không có sơ sở chấp nhận.

[4.2] Về việc ông T không đồng ý để anh H tham gia giải quyết vụ án với tư cách là đại diện ủy quyền của ông Đ, bà M vì anh H không phải người họ Lưu. Ông Đ, bà M vẫn tự nhận thức được, vẫn biết chữ nên không được ủy quyền cho ai khác. Tuy nhiên, ông Đ, bà M được quyền ủy quyền cho người khác theo quy định tại Điều 138 Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 70, Điều 85 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[5] Về chi phí tố tụng: Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản, ông Đ đã nộp tạm ứng và không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết do đó không giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn là ông Lưu Văn Đ được chấp nhận. Do đó ông Lưu Ngọc T, bà Trần Thị T phải liên đới nộp theo quy định của pháp luật. Nhưng ông T, bà T thuộc đối tượng người cao tuổi có ý kiến xin miễn án phí nên được miễn theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 175 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 147, các Điều 165, 241 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Văn Đ về Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất.

Xác định ranh giới thửa đất số 205, tờ bản đồ số 13 tại xã Hải Ninh đứng tên ông Lưu Văn Đ và bà Cao Thị M và thửa đất số 206, tờ bản đồ số 13 tại xã Hải Ninh đứng tên ông Lưu Ngọc T và bà Trần Thị T là đường thẳng nối các điểm (1,7,6).

(có sơ đồ kèm theo).

2. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 13, điểm a khoản 2 và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Ông Lưu Ngọc T và bà Trần Thị T được miễn án phí theo quy định pháp luật vì thuộc đối tượng người cao tuổi.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS;
- UBND xã Hải Ninh;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hằng